

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TRẦN TUẤN MINH

TƯ PHÁP PHỤC HỒI Ở MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI
VÀ GỢI MỞ CHO VIỆT NAM

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Hà Nội, năm 2025

Công trình được hoàn thành tại: Học Viện Khoa học Xã hội – Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.

Người hướng dẫn khoa học: **1. PGS. TS. Hồ Sỹ Sơn**
2. TS. Đinh Thế Hưng

Phản biện 1: PGS.TS. Trần Đình Nhã

Phản biện 2: PGS.TS. Phạm Văn Lợi

Phản biện 3: TS. Trần Ngọc Đường

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện họp tại:

.....

.....

Vào hồigiờ.....phút, ngày ... tháng ... năm 2025

Có thể tìm hiểu luận án tại:

.....

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Tư pháp phục hồi (TPPH) là một vấn đề lý luận đã được nghiên cứu, bình luận trong rất nhiều công trình khoa học trong nước cũng như thế giới. Trong quá trình nghiên cứu, phát triển, các nhà khoa học đã có rất nhiều quan điểm bất đồng, chưa thống nhất về cách giải thích, khái niệm TPPH. Hiện có nhiều thuật ngữ khác nhau để đặt tên cho mô hình tư pháp này như: Tư pháp tích cực, tư pháp mang tính liên hệ, tư pháp khắc phục, tư pháp cộng đồng... nhưng phổ biến hơn cả là TPPH. Tựu trung lại, các quan điểm này đều cho rằng hình phạt không có mục đích trừng trị, mà hướng tới mục đích đưa ra các cách thức tiếp cận linh hoạt nhằm cải tạo, giáo dục người phạm tội và là công cụ để phòng ngừa tội phạm.

Trên bình diện quốc tế, các chương trình TPPH đã chứng minh được hiệu quả vượt trội tại nhiều quốc gia phát triển, mang lại những bài học kinh nghiệm quý báu. Tại Na Uy, việc thể chế hóa chương trình TPPH thành một dịch vụ công toàn quốc và áp dụng các nguyên tắc nhân văn trong hệ thống nhà tù đã mang lại những thành tựu đáng kể, với tỷ lệ tái phạm giảm xuống mức thấp nhất thế giới cùng mức độ hài lòng cao của cả nạn nhân và người phạm tội. Tại Mỹ, dù phát triển theo hướng phi tập trung, các chương trình TPPH đã cho thấy hiệu quả trong việc giảm tỷ lệ tái phạm và tạo ra lợi ích gấp tám lần chi phí bỏ ra để ngăn chặn tội phạm. Tương tự, Úc đã áp dụng thành công và rộng rãi các chương trình TPPH trong hệ thống tư pháp người chưa thành niên, giúp giảm đáng kể tỷ lệ tái phạm so với các biện pháp tố tụng truyền thống, đồng thời có những chương trình sáng tạo như Xử án vòng tròn nhằm thích ứng với văn hóa của người bản địa. Những thành công này cho thấy TPPH không chỉ là một lý thuyết tiên bộ mà còn là một công cụ thực tiễn, hiệu quả để giải quyết tội phạm, đáp ứng nhu cầu của nạn nhân và thúc đẩy an toàn xã hội.

Tại Việt Nam, yêu cầu nghiên cứu và áp dụng TPPH ngày càng trở nên cấp thiết, phù hợp với định hướng chiến lược của Đảng và Nhà nước về cải cách tư pháp. Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã đặt ra yêu cầu: “Coi trọng việc hoàn thiện chính sách hình sự..., đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội. Giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ...”. Tiếp nối tinh thần đó, Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới tiếp tục khẳng định chủ trương nhân đạo hóa chính sách hình sự, tiệm cận với các chuẩn mực quốc tế về quyền con người. Và đặc biệt, hiện nay, đất nước ta đang thực hiện cuộc cách mạng để hiện thực hóa quan điểm “tinh - gọn - mạnh - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả” bộ máy nhà nước của Tổng bí thư Tô Lâm; triển khai đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả 4 nghị quyết trụ cột: Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết 59-NQ/TW ngày 24/1/2025 của Bộ Chính trị về Hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân. Đây là cơ sở chính trị quan trọng đặt ra nhu cầu cấp thiết phải hoàn thiện chế định TPPH nhằm đáp ứng các tiêu chí của một nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh và liêm chính. Việc hoàn thiện chế định này không chỉ phục vụ mục tiêu phụng sự Tổ quốc và phục vụ Nhân dân, mà còn góp phần bảo vệ công lý, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, giữ vững chế độ xã hội chủ nghĩa, đồng thời bảo vệ lợi ích của Nhà nước cũng như quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của các tổ chức và cá nhân trong xã hội. Rõ ràng, các nguyên tắc và mục tiêu của TPPH hoàn toàn tương thích với các định hướng chiến lược này, mở ra một con đường để cụ thể hóa chủ trương của Đảng trên cả bình diện lập pháp và áp dụng pháp luật.

Mặc dù pháp luật Việt Nam đã có một số yếu tố mang tính phục hồi, thể hiện trong Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025), Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Luật thi hành án hình sự... Chẳng hạn, tại Điều 31 Bộ luật hình sự năm 2015, nhà làm luật quy định mục đích của hình phạt: “Hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người, pháp nhân thương mại phạm tội mà còn giáo dục họ ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới; giáo dục người, pháp nhân thương mại khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm”. Từ quy định này, chúng ta có thể thấy BLHS đã có thể hiện mục đích phục hồi qua việc ngăn ngừa người hoặc pháp nhân thương mại khác phạm tội, giáo dục họ tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm. Ngoài ra, yếu tố phục hồi cũng được thể hiện rải rác trong các quy định, biện pháp khác như các biện pháp xử lý chuyển hướng đối với người dưới 18 tuổi như hòa giải tại cộng đồng, giáo dục tại xã, phường, thị trấn,... Nhưng, nhìn chung các quy định này còn hạn chế, chưa được phát triển một cách hệ thống và toàn diện, cũng như chủ yếu tập trung xây dựng đối với đối tượng người dưới 18 tuổi phạm tội. Thực tiễn cũng cho thấy các chương trình có yếu tố phục hồi vẫn chưa thực sự phát triển tại Việt Nam và còn nhiều khó khăn trong quá trình triển khai.

Những yếu tố này cho thấy sự cần thiết phải tiếp tục nghiên cứu, xây dựng và thực hiện các biện pháp thay thế nhằm thực hiện chủ trương nhân đạo hóa pháp luật trong lĩnh vực tư pháp hình sự theo hướng tăng cường các yếu tố của tư pháp phục hồi. Chủ trương nhân đạo này phải được cụ thể hóa trên cả hai bình diện lập pháp và áp dụng pháp luật và phải trở thành nhận thức của các cơ quan lập pháp và tư pháp.

Việc nghiên cứu, làm rõ những lý luận và thực tiễn về tư pháp phục hồi tại một số quốc gia trên thế giới, qua đó học tập kinh nghiệm về tư pháp phục hồi của các quốc gia đó vào xây dựng và thực hiện tư pháp phục hồi tại Việt Nam, vì vậy là nhu cầu cấp thiết. Bởi lý do đó, tác giả luận án lựa chọn đề tài

“Tư pháp phục hồi ở một số quốc gia trên thế giới và gợi mở cho Việt Nam”, làm luận án tiến sĩ luật học của mình

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu những vấn đề lý luận, thực tiễn xây dựng và thực hiện các chương trình TPPH tại một số quốc gia trên thế giới (Na Uy, Mỹ và Úc), yêu cầu và thực trạng xây dựng và thực hiện các biện pháp mang tính chất tư pháp phục hồi tại Việt Nam, luận án đưa ra những gợi mở cho việc xây dựng và thực hiện các chương trình về TPPH Việt Nam nhằm góp phần vào công cuộc cải cách tư pháp nói chung và tư pháp hình sự ở nước ta nói riêng.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu trên, Luận án thực hiện những nhiệm vụ nghiên cứu chủ yếu dưới đây:

- Phân tích những vấn đề lý luận về TPPH
- Phân tích, đánh giá thực tiễn xây dựng và thực hiện các chương trình TPPH tại các quốc gia: Na Uy, Mỹ và Úc, từ đó rút ra những ưu điểm và hạn chế về TPPH tại các quốc gia đó.
- Phân tích, đánh giá thực trạng xây dựng và thực hiện các biện pháp (quy định có) yếu tố TPPH tại Việt Nam.
- Phân tích yêu cầu xây dựng và thực hiện các biện pháp có yếu tố tư pháp phục hồi tại Việt Nam.
- Đưa ra những gợi mở về tiếp thu kinh nghiệm về TPPH của một số quốc gia trên thế giới vào hoàn thiện TPPH ở nước ta.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

- Những vấn đề lý luận về TPPH bao gồm: khái niệm, lịch sử hình thành và phát triển, đặc điểm, mục đích, các chương trình về TPPH trên thế giới.
- Thực tiễn xây dựng và thực hiện các chương trình TPPH tại các quốc gia Na Uy, Mỹ, Úc.
- Quy định pháp luật Việt Nam có chứa đựng yếu tố phục hồi và thực tiễn triển khai, thi hành.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Đề tài luận án nghiên cứu dưới góc độ chuyên ngành luật hình sự và tố tụng hình sự.
- Không gian nghiên cứu: Luận án nghiên cứu vấn đề về TPPH trong phạm vi trong nước và nước ngoài (cụ thể: ở 3 quốc gia Na Uy, Mỹ, Úc)
- Thời gian nghiên cứu: TPPH là một khái niệm xuất hiện trong giới nghiên cứu học thuật từ những năm 1970 và dần thu hút được nhiều sự quan tâm của các nhà khoa học, nhất là trong khoảng 10-15 năm gần đây. Do đó, Luận án nghiên cứu các vấn đề về tư pháp phục hồi trong khoảng thời gian từ năm 2010 đến năm 2024.
- Nội dung nghiên cứu: Luận án tập trung nghiên cứu về lý luận về tư pháp phục hồi cũng như việc áp dụng các chương trình tư pháp phục hồi trên thực tế tại các quốc gia trên thế giới.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của luận án

4.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Luận án nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và phương pháp duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác-Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước ta về công tác giáo dục, cải tạo người phạm tội và các văn bản pháp luật về hình phạt và thi hành án hình sự. Đồng thời, trên cơ sở kế thừa các cách tiếp cận nghiên cứu của

các khoa học khác như: Khoa học luật hình sự, tội phạm học, tâm lí học tư pháp,...

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Đồng thời, luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể sau:

- Đối với chương tổng quan và chương 2, Luận án sử dụng phương pháp nghiên cứu lý thuyết luật học, phương pháp phân tích, tổng hợp suy luận logic để khái quát hóa tình hình nghiên cứu liên quan và luận giải các vấn đề mang tính lý luận. Chương 1 của Luận án cũng kết hợp cả phương pháp nghiên cứu lịch sử để tìm hiểu sâu về quá trình hình thành, phát triển của TPPH, sự chuyển biến từ quan điểm trừng phạt sang quan điểm về phục hồi.

- Đối với chương 3, bên cạnh việc áp dụng những phương pháp phân tích, tổng hợp để nghiên cứu về thực tiễn xây dựng và thực hiện TPPH tại các quốc gia, luận án còn kết hợp các phương pháp luật học so sánh, thống kê tổng kết thực tiễn để thu thập những số liệu về thực trạng xây dựng và thực hiện TPPH tại các quốc gia. Từ đó, luận án có những nhận định, so sánh giữa các chương trình về TPPH được áp dụng về ưu, nhược điểm và rút ra những bài học kinh nghiệm trong việc gợi mở cho Việt Nam

- Đối với chương 4, luận án sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp, suy luận logic để có thể chất lọc từ những kết quả nghiên cứu trong chương 2 và chương 3; từ đó xác định tính khả thi trong áp dụng TPPH tại Việt Nam và đưa ra những gợi mở, khuyến nghị phù hợp trong việc xây dựng và thực hiện TPPH.

5. Đóng góp mới về khoa học của luận án

Đóng góp mới về khoa học của luận án thể hiện ở những kết quả nghiên cứu chủ yếu như sau:

- Luận án làm rõ những vấn đề lý luận về TPPH như: khái niệm, nguồn gốc, sự phát triển, mục đích, đặc điểm, sự điều chỉnh phát luật, sự đảm bảo thực hiện, các chương trình TPPH điển hình trên thế giới.

- Luận án làm rõ thực trạng xây dựng và thực hiện các chương trình TPPH tại 3 quốc gia chính: Na Uy, Mỹ và Úc, từ đó có những nhận định, so sánh về những ưu, nhược điểm trong việc triển khai chương trình TPPH tại các quốc gia này.
- Luận án làm rõ thực trạng xây dựng và thực hiện các biện pháp (quy định) có yếu tố TPPH tại Việt Nam.
- Luận án đưa ra những gợi mở về tiếp thu kinh nghiệm về xây dựng và thực hiện các chương trình TPPH của một số quốc gia trên thế giới vào hoàn thiện TPPH ở Việt Nam.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận của Luận án

- Kết quả nghiên cứu của Luận án góp phần nhận thức thống nhất trong giới luật học Việt Nam về TPPH, tạo cơ sở lý luận cho việc hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực tư pháp hình sự tại Việt Nam.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn của Luận án

- Kết quả nghiên cứu của Luận án góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong lĩnh vực tư pháp hình sự, nhất là các biện pháp xử lý chuyển hướng đối với tội phạm và người phạm tội trong bối cảnh mới.
- Kết quả nghiên cứu của Luận án có thể được tham khảo trong các hoạt động nghiên cứu, giảng dạy và học tập pháp luật trong lĩnh vực tư pháp hình sự nói chung, TPPH ở nước ta nói riêng

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Tình hình nghiên cứu về tư pháp phục hồi

1.1.1. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

Các công trình khoa học đã cung cấp cho NCS một số kiến thức cốt lõi liên quan đến TPPH theo nhiều khía cạnh để xây dựng nền tảng cho phần lý luận TPPH của luận án. Nhìn chung, các công trình nghiên cứu TPPH rất đa dạng và phong phú, tập trung vào hai nhóm chính là lý luận về TPPH và thực tiễn xây dựng và thực hiện TPPH. Điều này giúp cho NCS có được các góc nhìn mới cũng như là tài liệu hữu ích để luận án tiếp thu và phát triển lý luận về hoạt động quy định, xây dựng chương trình TPPH trên thế giới.

1.1.2. Tình hình nghiên cứu ở Việt Nam

Nhìn chung, các tài liệu, công trình nghiên cứu về TPPH tại Việt Nam còn tương đối hạn chế, chưa phổ biến. Các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào một số khía cạnh cụ thể. Các nghiên cứu có thể chia thành: Nghiên cứu trực tiếp về TPPH: Thường chỉ tập trung vào đối tượng người chưa thành niên phạm tội, như các bài viết của Đỗ Hoàng Yến (2008), Lê Huỳnh Tấn Duy (2017), Cao Thị Oanh (2019) hoặc mang tính giới thiệu khái niệm như nghiên cứu của Nguyễn Văn Tròn & Nguyễn Anh Thư (2023); và nghiên cứu gián tiếp: Tập trung vào các chủ đề có liên quan như giáo dục phạm nhân (Bùi Văn Khương, Ngô Văn Trù) hoặc miễn TNHS do tự nguyện hòa giải (Nguyễn Ngọc Tú).

1.1.3. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu

Các công trình nước ngoài rất phong phú nhưng thiếu các nghiên cứu chuyên sâu so sánh có hệ thống về TPPH ở các quốc gia khác nhau.

Ở Việt Nam, hiện có rất ít công trình nghiên cứu chuyên sâu, đặc biệt là cấp luận án, về TPPH. Các nghiên cứu hiện có chủ yếu là giới thiệu sơ lược, tập trung vào người chưa thành niên, hoặc nghiên cứu gián tiếp.

Các công trình trong nước chưa thực sự so sánh chuyên sâu với thực tiễn nước ngoài và nhiều nghiên cứu đã cũ, thực hiện trước khi BLHS 2015 và Nghị quyết 27-NQ/TW 2022 ra đời, làm giảm tính cập nhật.

Luận án này sẽ kế thừa các kết quả đã có, đồng thời tập trung hoàn thiện những vấn đề lý luận và thực tiễn (đặc biệt là so sánh quốc tế) còn bỏ ngỏ, từ đó đưa ra những gợi mở thiết thực cho Việt Nam.

1.2. Cơ sở lý thuyết nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu, giả thuyết nghiên cứu

1.2.1. Lý thuyết nghiên cứu

Luận án được thực hiện dựa trên các lý thuyết sau:

- Các tư tưởng, học thuyết về Nhà nước và pháp luật nói chung, pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự nói riêng.
- Các lý thuyết của Luật Hình sự về tội phạm, mục đích của hình phạt.
- Các lý thuyết về TPPH.
- Các lý thuyết, tư tưởng trong nước về các biện pháp tư pháp, xử lý chuyên hướng, giáo dục, cải tạo người phạm tội.
- Các thành tựu, kết quả nghiên cứu của các công trình nghiên cứu khoa học về TPPH của các tác giả trong và ngoài nước.

1.2.2. Câu hỏi nghiên cứu

Luận án “Tư pháp phục hồi ở một số quốc gia trên thế giới và gợi mở cho Việt Nam” được thực hiện trên cơ sở nghiên cứu, trả lời những câu hỏi sau đây:

- *Thứ nhất*, thực trạng các công trình nghiên cứu về TPPH trên thế giới hiện nay như thế nào và còn những điểm gì cần tiếp tục nghiên cứu?
- *Thứ hai*, thực trạng nghiên cứu về TPPH hiện nay về khái niệm, nguồn gốc, đặc điểm, mục đích, sự điều chỉnh và bảo đảm thực hiện như thế nào?
- *Thứ ba*, thực tiễn xây dựng và thực hiện các chương trình TPPH ở một số quốc gia trên thế giới (Na Uy, Mỹ, Úc) như thế nào?

- *Thứ tư*, có những điểm tương đồng, khác biệt nào giữa các chương trình TPPH được xây dựng và thực hiện tại các quốc gia được nghiên cứu?

- *Thứ năm*, pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam có những quy định hoặc có yếu tố nào tương tự với các chương trình TPPH trên thế giới?

- *Thứ sáu*, những giải pháp nào có thể thực hiện trên cơ sở tiếp thu kinh nghiệm tại các quốc gia đã nghiên cứu nhằm nâng xây dựng các chương trình TPPH tại Việt Nam?

1.2.3. Giả thuyết nghiên cứu

Luận án “Tư pháp phục hồi ở một số quốc gia trên thế giới và gợi mở cho Việt Nam” được thực hiện dựa trên những giả thuyết nghiên cứu sau:

- *Thứ nhất*, hiện nay TPPH đã được nghiên cứu rộng rãi trong khoa học luật hình sự của các quốc gia trên thế giới và đã có nhiều khái niệm, định nghĩa khác nhau. Từ những sự chưa thống nhất trong các khái niệm, quan điểm về TPPH của các quốc gia; dẫn tới việc các quốc gia khác nhau có những điểm khác biệt trong xây dựng và thực hiện các chương trình TPPH.

- *Thứ hai*, hiện nay các quốc gia lựa chọn nghiên cứu đều có những chương trình TPPH riêng với những nguyên tắc áp dụng, quy trình tiến hành theo từng giai đoạn được áp dụng khác nhau tại các quốc gia này. Đồng thời, kết quả của thực tiễn xây dựng và thực hiện các chương trình TPPH ở các quốc gia trên thế giới như Na Uy, Mỹ, Úc đã cho thấy những dấu hiệu tích cực trong hoạt động phục hồi phạm nhân và tái hòa nhập cộng đồng. Điều này thể hiện qua tỉ lệ tái phạm của các quốc gia trên cũng như sự đánh giá mức độ hài lòng của các bên tham gia vào quá trình phục hồi.

- *Thứ ba*, các chương trình TPPH của các quốc gia được so sánh có những điểm tương đồng và khác biệt nhất định với nhau thể hiện thông qua giai đoạn áp dụng, loại chương trình, cách thức tiến hành thực hiện, điều kiện áp dụng, các

đối tượng áp dụng, thủ tục áp dụng... Việc luận giải các điểm tương đồng và khác biệt sẽ góp phần đưa ra được những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

- *Thứ tư*, Việt Nam có đủ cơ sở chính trị - pháp lý để xây dựng chương trình TPPH, như: các Nghị quyết của Đảng về cải cách tư pháp (Nghị quyết 49-NQ/TW, 27-NQ/TW), Hiến pháp 2013...; cũng như những yếu tố mang tính chất của TPPH, thể hiện qua các biện pháp tư pháp đối với người chưa thành niên phạm tội, việc miễn trách nhiệm hình sự trong trường hợp tự nguyện hòa giải, các hoạt động hòa giải tại cơ sở... Tuy nhiên, Việt Nam chưa chính thức ghi nhận TPPH đầy đủ và các quy định mang tính phục hồi này đa phần mới chỉ được áp dụng cho đối tượng là người chưa thành niên phạm tội.

- *Thứ năm*, để xây dựng chương trình TPPH tại Việt Nam cần thực hiện các giải pháp như: (1) Xây dựng cơ sở pháp lý cho TPPH; (2) Lồng ghép các yếu tố của TPPH vào các văn bản như BLHS, BLTTHS, LTHAHS; (3) Đào tạo, nâng cao trình độ nhận thức, nguồn lực về con người, nhất là đội ngũ hòa giải viên; xây dựng, phát triển cơ sở vật chất hỗ trợ TPPH; (4) Nâng cao nhận thức về TPPH trong cộng đồng; (5) Hợp tác quốc tế để học hỏi các kinh nghiệm trong xây dựng và thực hiện các chương trình TPPH.

CHƯƠNG 2: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TƯ PHÁP PHỤC HỒI

2.1. Khái niệm, đặc điểm và mục đích của tư pháp phục hồi

Khái niệm:

- Luận án bắt đầu từ việc phân tích khái niệm Tư pháp (Justice) và đối lập nó với Tư pháp trừng phạt (Retributive Justice).
- Tư pháp trừng phạt xem tội phạm là hành vi vi phạm pháp luật của Nhà nước, tập trung vào việc trừng trị người phạm tội để khôi phục “công lý”.
- Ngược lại, TPPH xem tội phạm là hành vi gây tổn hại đến con người và các mối quan hệ. Công lý được thực thi thông qua việc hàn gắn, phục hồi cho nạn nhân, người phạm tội và cộng đồng.
- Luận án tổng hợp nhiều định nghĩa (Tony Marshall, Howard Zehr, Tuyên bố LHQ) và nhận định rằng đây là một khái niệm phức tạp, vẫn đang phát triển.
- **Tác giả luận án đề xuất định nghĩa:** TPPH là: “Một phương thức xử lý tội phạm, tranh chấp và xung đột thông qua những chương trình, biện pháp linh hoạt để tìm các cách xử lý theo hướng tính đến lợi ích của nạn nhân, người phạm tội; trong đó tập trung vào hoạt động đối thoại, phục hồi nhằm khắc phục những hậu quả, tổn hại... đồng thời, đảm bảo sự tham gia chủ động, tự nguyện từ nạn nhân, người phạm tội, cộng đồng, với sự hỗ trợ, điều phối của các cơ quan...”.

Đặc điểm:

1. Tập trung vào nhu cầu của các bên: TPPH xác định tội phạm là sự tổn hại đến con người. Khác với tư pháp truyền thống (tập trung vào Nhà nước và người phạm tội), TPPH đặt nhu cầu của nạn nhân vào vị trí trung tâm, tìm cách sửa chữa tổn hại cả về vật chất lẫn tinh thần.

2. Tập trung vào nghĩa vụ phát sinh từ hành vi phạm tội: TPPH nhấn mạnh tính chịu trách nhiệm (accountability) của người phạm tội, yêu cầu họ phải nhận thức và chủ động sửa chữa, khắc phục hậu quả mà họ đã gây ra.

3. Đề cao sự tham gia chủ động, tự nguyện: Khác với tư pháp truyền thống (nơi nạn nhân, cộng đồng là bên tham gia thụ động), TPPH trao quyền cho các bên liên quan (nạn nhân, người phạm tội, cộng đồng) tham gia trực tiếp vào quá trình tìm kiếm giải pháp và công lý.

Mục đích:

Mục đích của TPPH là chữa lành và phục hồi ở cấp độ cá nhân và xã hội. Cụ thể: (1) Đáp ứng nhu cầu của nạn nhân; (2) Khôi phục các mối quan hệ bị tác động; (3) Ngăn ngừa tái phạm bằng cách tái hòa nhập; (4) Để người phạm tội chủ động nhận trách nhiệm; (5) Xây dựng cộng đồng hỗ trợ; (6) Cung cấp một giải pháp chuyển hướng khỏi tổ tụng truyền thống

2.2. Nguồn gốc, sự phát triển của tư pháp phục hồi

TPPH không phải là một phát kiến mới, mà là sự giao thoa giữa nhu cầu thực tiễn và kinh nghiệm bản địa.

- **Nguồn gốc triết học và lịch sử:** Luận án phân tích các trường phái khai sáng-nhân văn (Montesquieu, Beccaria), trường phái cổ điển (Kant, Hegel), và trường phái xã hội học (học thuyết bảo vệ xã hội mới), cho thấy tư tưởng nhân đạo và tái hòa nhập đã có mầm mống từ lâu. Học thuyết Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh cũng nhấn mạnh tính nhân đạo, giáo dục và vai trò “lý, tình” trong tư pháp.

- **Nguồn gốc thực tiễn:** TPPH hiện đại bắt nguồn từ các phương thức giải quyết xung đột của các cộng đồng bản địa (ví dụ: người Maori ở New Zealand, người bản địa Bắc Mỹ).

- **Sự trỗi dậy (thập niên 1970):** TPPH hiện đại ra đời do ba yếu tố chính: (1) **Sự thất bại của tư pháp trừng phạt** (tỷ lệ tái phạm cao, chi phí lớn, chính sách

“tough on crime” không hiệu quả); (2) **Sự bỏ quên nạn nhân** (Nhà nước chủ động điều chỉnh các xung đột, nạn nhân bị đẩy ra bên lề); (3) **Các phong trào đòi quyền cho nạn nhân** (đặc biệt là các nhóm nữ quyền) yêu cầu hệ thống phải thay đổi.

Các chương trình thử nghiệm đầu tiên (VOM - Hòa giải nạn nhân-người phạm tội) bắt đầu ở Canada và Mỹ vào những năm 1970, sau đó là FGC (Hội nghị nhóm gia đình) ở New Zealand, dần dần được thể chế hóa.

2.3. Sự điều chỉnh của pháp luật đối với vấn đề tư pháp phục hồi

Sự điều chỉnh pháp luật đối với vấn đề TPPH trước hết thể hiện ở việc xây dựng các quy định pháp luật về TPPH. Trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, có thể xác định sáu nhóm yếu tố pháp lý cốt lõi cần được tuân thủ để xây dựng các quy định về chương trình TPPH như sau:

Thứ nhất, về phạm vi áp dụng TPPH. Một trong những yếu tố pháp lý đầu tiên cần được xác lập là phạm vi điều chỉnh – tức là xác định rõ các trường hợp được áp dụng tư pháp phục hồi.

Thứ hai, về quy trình và nguyên tắc thực hiện. Quy trình này cần bảo đảm các nguyên tắc: (i) Sự tự nguyện của các bên tham gia; (ii) Tính trung lập và không định kiến của người điều phối; (iii) Bảo mật thông tin; (iv) ưu tiên quyền lợi người bị hại và không làm tổn hại thêm; (v) bảo đảm tính công khai, minh bạch trong quá trình áp dụng, thực hiện.

Thứ ba, về vai trò của người điều phối. Người điều phối đóng vai trò then chốt trong quá trình tư pháp phục hồi. Họ sẽ là người trực tiếp đứng ra thực hiện các hoạt động hòa giải giữa nạn nhân, người phạm tội và tạo ra một môi trường an toàn để các bên có thể thoải mái chia sẻ với nhau.

Thứ tư, tổ chức triển khai chương trình TPPH. Pháp luật cũng cần điều chỉnh để cho phép thành lập các tổ chức hoặc đơn vị thực hiện chương trình TPPH một cách chính thức.

Thứ năm, giá trị pháp lý của thỏa thuận phục hồi. Pháp luật cần quy định rõ ràng: (i) khi nào thỏa thuận có giá trị làm căn cứ miễn trách nhiệm hình sự hoặc

giảm hình phạt; (ii) hình thức công nhận pháp lý của kết quả phục hồi (chẳng hạn dưới dạng biên bản thỏa thuận có chữ ký các bên và được công nhận bởi tòa án hoặc viện kiểm sát).

Thứ sáu, cơ chế theo dõi, đánh giá và nâng cao nhận thức. Pháp luật cần quy định trách nhiệm của các bên liên quan trong việc báo cáo kết quả phục hồi, giám sát việc thực hiện cam kết, đồng thời xây dựng các chỉ số đo lường như tỷ lệ tái phạm, mức độ hài lòng của người bị hại, hoặc khả năng tái hòa nhập cộng đồng.

Đồng thời, điều chỉnh pháp luật đối với TPPH còn thể hiện ở việc tổ chức thực hiện trên thực tế và hoàn thiện các quy định pháp luật đó. Xây dựng (quy định) các quy định pháp luật về tư pháp phục hồi, xét về thực chất là xây dựng (quy định) các chương trình, các đạo luật về tư pháp phục hồi. Đó là nền tảng pháp lý của việc “đưa tư pháp phục hồi” vào cuộc sống. Sự linh hoạt của triết lý TPPH đã cho phép nó được thực hiện dưới nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với các nền văn hóa pháp lý và các giai đoạn khác nhau của quy trình tố tụng. Hiện nay tại các quốc gia trên thế giới đã hình thành nhiều chương trình TPPH khác nhau. Tuy nhiên, tựu trung lại, có thể nhóm các chương trình này thành ba mô hình chính theo quá trình xét xử như sau: Chương trình TPPH áp dụng trước xét xử, chương trình TPPH áp dụng trong xét xử và chương trình TPPH áp dụng sau xét xử. Mỗi giai đoạn áp dụng chương trình TPPH khác nhau sẽ mang lại những đặc thù, hiệu quả và thách thức riêng.

2.4. Bảo đảm thực hiện tư pháp phục hồi

Để TPPH hoạt động hiệu quả, cần có 4 yếu tố bảo đảm:

- 1. Bảo đảm về pháp lý:* Cần có hành lang pháp lý rõ ràng về quy trình, phạm vi, và giá trị pháp lý của thỏa thuận phục hồi.
- 2. Bảo đảm về tổ chức và nhân lực:* Cần có các tổ chức chuyên trách và đội ngũ điều phối viên/hòa giải viên được đào tạo, trung lập và có năng lực.

3. *Bảo đảm sự phối hợp liên ngành*: Cần sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan THTT, tổ chức xã hội và chính quyền địa phương.

4. *Bảo đảm về tài chính và cơ sở vật chất*: Cần ngân sách nhà nước, cơ chế xã hội hóa và không gian (phòng ốc) an toàn, trung lập để tổ chức đối thoại.

CHƯƠNG 3: CÁC CHƯƠNG TRÌNH TƯ PHÁP PHỤC HỒI TẠI MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI

3.1. Các chương trình tư pháp phục hồi tại Na Uy

Bối cảnh: Na Uy là quốc gia dẫn đầu về TPPH, với hệ thống được thể chế hóa cao độ, dựa trên Luật Hòa giải (1991, 2014).

Chương trình trước xét xử: Đây là chương trình cốt lõi. Dịch vụ Hòa giải Quốc gia (NMS/Konfliktråd) là một dịch vụ công, miễn phí cho mọi công dân. Đặc điểm: (1) Sử dụng hòa giải viên (điều phối viên) là người dân bình thường, không chuyên; (2) Luật sư, về nguyên tắc, không được tham dự để đảm bảo đối thoại tập trung vào con người, không phải pháp lý; (3) Đảm bảo tính tự nguyện và bảo mật tuyệt đối.

Chương trình trong xét xử: Ít phổ biến hơn. Chủ yếu áp dụng cho người chưa thành niên thông qua các hình thức thay thế án tù như Ungdomsstraff (Hình phạt đối với người chưa thành niên) và Ungdomsoppfølging (Giám sát thanh thiếu niên). Đây là các kế hoạch phục hồi chi tiết, có sự tham gia của nạn nhân, gia đình và xã hội.

Chương trình sau xét xử: Đây là điểm đặc sắc nhất của Na Uy. Toàn bộ hệ thống nhà tù Na Uy được vận hành dựa trên triết lý phục hồi.

+ Nguyên tắc Bình thường hóa (Normality Principle): Triết lý cốt lõi. Hình phạt *chỉ* là sự tước đi tự do, không tước đi các quyền công dân khác. Cuộc sống trong tù phải giống nhất có thể với cuộc sống bên ngoài.

+ Lộ trình tái hòa nhập: Phạm nhân được chuyển dần từ nhà tù đóng (an ninh cao) sang nhà tù mở (an ninh thấp) và cuối cùng là nhà ở chuyên tiếp.

+ Mô hình kết hợp: Các dịch vụ công như y tế, giáo dục trong tù được cung cấp bởi các cơ quan dân sự bên ngoài (chính quyền địa phương), chứ không phải do cơ quan cải tạo, để đảm bảo chất lượng và sự kết nối cộng đồng.

Kết quả: Na Uy có tỷ lệ tái phạm thuộc hàng thấp nhất thế giới (giảm từ 60-70% xuống còn 16.4% vào 2017). Mức độ hài lòng của nạn nhân và người phạm tội rất cao.

3.2. Các chương trình tư pháp phục hồi tại Mỹ

Bối cảnh: Phát triển do sự thất bại của chính sách không khoan nhượng và tình trạng quá tải nhà tù.

Hệ thống: Mang tính **phi tập trung và chấp vá**. Không có luật liên bang. Thẩm quyền pháp lý đến từ 4 nguồn: Luật pháp cấp tiểu bang, quy định tư pháp người chưa thành niên, phán quyết của thẩm phán, và quyết định của công tố viên¹⁵³.

Chương trình trước xét xử: Phổ biến nhất, chủ yếu là XLCH. Hai mô hình chính là Hòa giải nạn nhân – người phạm tội (VOM) và Hội nghị gia đình (FGC).

Chương trình trong xét xử:

+ Xét xử vòng tròn (Circle Sentencing): Áp dụng trong các cộng đồng người bản địa (Native American).

+ Tòa án cộng đồng (Community Court): Mô hình “giải quyết vấn đề” thực dụng. Xử lý các tội ít nghiêm trọng (gây rối, trộm vặt, ma túy). Thẩm phán tập trung vào việc kết nối người phạm tội với các dịch vụ xã hội (cai nghiện, tư vấn tâm lý, tìm việc) thay vì bỏ tù.

Chương trình sau xét xử: Là các chương trình *bên trong* nhà tù. Tiêu biểu là Dự án Giải pháp thay thế cho bạo lực (AVP), do tình nguyện viên bên ngoài điều hành, và Chương trình nâng cao nhận thức về nạn nhân (VAP).

Kết quả: Các nghiên cứu tổng hợp cho thấy TPPH giúp giảm tỷ lệ tái phạm (thay đổi từ 7% đến 45% tùy chương trình), có hiệu quả cao về chi phí (tiết kiệm gấp 8 lần chi phí), và đem lại mức độ hài lòng cao cho cả nạn nhân và người phạm tội.

3.3. Các chương trình tư pháp phục hồi tại Úc

Bối cảnh: Khởi đầu từ một thử nghiệm của cảnh sát (1991), Úc đã phát triển mạnh TPPH, đặc biệt với người chưa thành niên.

Hệ thống: Mô hình hỗn hợp. Ban đầu phi tập trung như Mỹ, nhưng sau đó đã ban hành Hướng dẫn Quốc gia về TPPH (2013) để thúc đẩy tính nhất quán.

Chương trình trước xét xử: Đây là chương trình chủ đạo. Hội nghị Tư pháp người chưa thành niên (YJC) hoặc FGC là hình thức XLCH chính, được luật hóa chặt chẽ (ví dụ: Đạo luật về Người chưa thành niên phạm tội 1997 của bang New South Wales).

Chương trình trong xét xử: Xử án vòng tròn (Circle Sentencing): Tương tự Mỹ, nhưng được thể chế hóa mạnh mẽ hơn. Đây là mô hình đặc thù để giải quyết vấn đề tỷ lệ người bản địa bị giam giữ quá cao. Thẩm phán rời bục, ngồi ngang hàng với các Trưởng lão của cộng đồng, và bản án được đưa ra dựa trên sự đồng thuận, phù hợp văn hóa.

Chương trình sau xét xử: Chủ yếu là Hòa giải nạn nhân – người phạm tội (VOM). Chương trình này được quản lý bởi Bộ Tư pháp, thường áp dụng khi phạm nhân đang ở trong tù¹⁷⁵. Mục đích chính là phục hồi tâm lý cho nạn nhân và hỗ trợ cải tạo, thường không làm giảm án.

Kết quả: Rất tích cực. Các nghiên cứu (như dự án RISE) cho thấy mức độ hài lòng của nạn nhân rất cao và tỷ lệ tái phạm giảm đáng kể, đặc biệt với tội phạm bạo lực.

3.4. Nhận định, so sánh các chương trình tư pháp phục hồi tại một số quốc gia trên thế giới

Điểm tương đồng: Cả 3 quốc gia đều áp dụng TPPH chủ yếu ở giai đoạn trước xét xử, đặc biệt với người chưa thành niên. Tất cả đều xuất phát từ sự thất bại của tư pháp trừng phạt và đều cho thấy kết quả tích cực về giảm tái phạm và tăng sự hài lòng.

Điểm khác biệt:

- Cơ cấu nhà nước: Na Uy (Nhà nước đơn nhất) có mô hình tập trung, từ trên xuống, TPPH là dịch vụ công toàn quốc. Mỹ & Úc (Nhà nước liên bang) có mô hình phi tập trung, từ dưới lên, phụ thuộc vào từng tiểu bang (mặc dù Úc đang cố gắng tiêu chuẩn hóa).

- Triết lý thực thi: Na Uy nhấn mạnh chủ nghĩa nhân văn phổ quát (Nguyên tắc Bình thường hóa). Mỹ mang tính thực dụng, giải quyết vấn đề (Tòa án cộng đồng). Úc tập trung vào hòa hợp văn hóa (Xử án vòng tròn cho người bản địa).

- Truyền thống pháp luật: Na Uy (Civil Law) có xu hướng loại trừ luật sư khỏi hòa giải để tập trung vào cảm xúc. Mỹ & Úc (Common Law) tích hợp các chủ thể pháp lý (công tố viên, thẩm phán, luật sư) vào quy trình.

- Giai đoạn sau xét xử: Na Uy biến toàn bộ hệ thống nhà tù thành một chương trình phục hồi. Mỹ & Úc chỉ vận hành các chương trình phục hồi đơn lẻ BÊN TRONG một hệ thống nhà tù vẫn mang tính trừng phạt.

Qua việc so sánh các chương trình TPPH tại Na Uy, Mỹ và Úc cho thấy không có một con đường duy nhất để thực hiện TPPH. Mỗi quốc gia đều có cách tiếp cận riêng với TPPH về khung pháp lý, các chương trình áp dụng, các giai đoạn áp dụng, triết lý áp dụng... với những ưu điểm và hạn chế, phản ánh bối cảnh pháp lý và xã hội đặc thù. Sự đa dạng này sẽ cung cấp những kinh nghiệm phong phú để chúng ta có thể học hỏi và lựa chọn con đường phù hợp nhất cho riêng mình.

CHƯƠNG 4. XÂY DỰNG MÔ HÌNH TƯ PHÁP PHỤC HỒI Ở VIỆT NAM TỪ KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI

4.1. Cơ sở xây dựng và thực hiện tư pháp phục hồi ở Việt Nam

Việt Nam có đầy đủ cơ sở để áp dụng TPPH, bao gồm:

Cơ sở chính trị - pháp lý:

- Hiến pháp 2013: Đề cao quyền con người, quyền công dân.
- Nghị quyết của Đảng: Nghị quyết 49-NQ/TW và 27-NQ/TW xác định rõ chủ trương “đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện”, “giảm hình phạt tù”. Đây là nền tảng tư tưởng vững chắc.
- Hội nhập quốc tế: Nghị quyết 59-NQ/TW đòi hỏi Việt Nam chủ động hội nhập, tiếp thu các chuẩn mực quốc tế tiên bộ.

Cơ sở thực tiễn:

- Quá tải hệ thống: Tình hình tội phạm gia tăng khiến các cơ quan THTT (Tòa án, Viện kiểm sát) bị quá tải. TPPH là giải pháp giúp sàng lọc, giảm tải hiệu quả.
- Hạn chế trong bảo vệ nạn nhân: Mô hình truyền thống tập trung vào trừng phạt, nạn nhân bị mờ nhạt, chỉ xem là “nguồn chứng cứ”. TPPH sẽ khắc phục điều này.
- Nâng cao hiệu quả giáo dục: Hình phạt tù thường gây "dán nhãn" và khó tái hòa nhập. TPPH, đặc biệt với người chưa thành niên, có tác động giáo dục sâu sắc hơn.

Các yếu tố của TPPH đã có trong pháp luật Việt Nam: Việt Nam không bắt đầu từ con số 0. Chúng ta đã có:

1. Truyền thống Hòa giải ở cơ sở (dĩ hòa vi quý).
2. Quy định về miễn TNHS khi tự nguyện hòa giải (Điều 29 BLHS).
3. Các biện pháp XLCH đối với người dưới 18 tuổi (Điều 92 BLHS).
4. Chế độ giáo dục, cải tạo trong trại giam và thí điểm lao động ngoài trại giam.

Sự ra đời của Luật Tư pháp người chưa thành niên (2024), với tư tưởng chủ đạo là XLCH và phục hồi.

Hạn chế của các yếu tố hiện có: Các quy định này còn tản mạn, chưa đặt nạn nhân làm trung tâm, vai trò cộng đồng còn mờ nhạt, và yếu tố tự nguyện chưa được đề cao.

4.2. Quan điểm chỉ đạo trong xây dựng tư pháp phục hồi tại Việt Nam

Thứ nhất, quán triệt sự lãnh đạo của Đảng: TPPH phải là một công cụ thực hiện các mục tiêu cải cách tư pháp (Nghị quyết 49, 27).

Thứ hai, lấy con người làm trung tâm: Bảo vệ tốt nhất quyền lợi của nạn nhân, người phạm tội và cộng đồng; đảm bảo an toàn, tự nguyện, bảo mật.

Thứ ba, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế: Không sao chép máy móc. Phải phù hợp với văn hóa Việt Nam (đề cao vai trò gia đình, cộng đồng, tình làng nghĩa xóm).

Thứ tư, bảo đảm tính khả thi, làm từng bước: Cần có lộ trình, thí điểm trước khi nhân rộng.

4.3. Định hướng xây dựng chương trình tư pháp phục hồi ở Việt Nam

1. Hoàn thiện cơ sở pháp lý:

- Định nghĩa: Cần một khái niệm TPPH chính thức.
- Sửa đổi BLHS: Sửa đổi Điều 31 về mục đích hình phạt, chuyển trọng tâm từ trừng trị sang giáo dục, phục hồi, nhấn mạnh việc sửa chữa những tổn hại.
- Sửa đổi BLTTHS: Bổ sung một chương riêng về TPPH, quy định rõ: phạm vi (tội ít nghiêm trọng, ưu tiên người chưa thành niên); giai đoạn (ưu tiên trước xét xử); điều kiện (tự nguyện, người phạm tội nhận tội); chủ thể (phải có Điều phối viên trung lập, không phải ĐTV/KSV); và hậu quả pháp lý (đình chỉ vụ án nếu thành công).
- Mô hình đề xuất: Học tập mô hình FGC/YJC của Úc vì nó phù hợp với văn hóa Việt Nam (đề cao gia đình, cộng đồng) và mô hình Xử án vòng tròn (Úc) để

áp dụng cho các vùng đồng bào dân tộc thiểu số (tích hợp vai trò già làng, trưởng bản).

2. Đào tạo nguồn nhân lực và đảm bảo cơ sở vật chất:

- **Nhân lực:** Cán bộ tư pháp hiện nay còn tư duy trừng phạt, thiếu kỹ năng. Cần đào tạo lại kỹ năng mềm, tâm lý cho Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên.

- **Thế chế:** Đề xuất học tập Na Uy, thành lập một cơ quan chuyên trách như **Hội đồng Hòa giải Phục hồi Quốc gia** (trực thuộc Bộ Tư pháp/Bộ Công an) để đảm bảo tính chuyên nghiệp, thống nhất và cung cấp dịch vụ công.

- **Lực lượng:** Tận dụng và nâng cấp đội ngũ **hòa giải viên ở cơ sở** làm nòng cốt (học tập Na Uy dùng người không chuyên) để tạo sự gần gũi.

Cơ sở vật chất: Cần ngân sách riêng và thiết kế thêm các phòng xử án thân thiện, không gian trung lập, an toàn, thay vì phòng xử án truyền thống.

3. Thay đổi nhận thức, thái độ của cộng đồng:

- Phải khắc phục tâm lý nặng về trừng phạt trong cả xã hội và cán bộ.

- Cần tuyên truyền, phổ biến về lợi ích của TPPH. Đưa TPPH vào chương trình đào tạo tại Học viện Tư pháp.

- Giảm kỳ thị người tái hòa nhập. Học tập mô hình kết hợp của Na Uy, tăng cường sự tham gia của cộng đồng vào hoạt động giáo dục trong trại giam.

4. Hợp tác và học hỏi kinh nghiệm quốc tế:

- TPPH là lĩnh vực mới, cần hợp tác quốc tế để nhận hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo chuyên gia.

- Tranh thủ sự hỗ trợ để đánh giá khách quan các chương trình thí điểm²⁴⁵

KẾT LUẬN

TPPH là một hình thức xử lý tội phạm mới đã được nghiên cứu và áp dụng tại nhiều quốc gia với các mức độ thành công nhất định. Đây là một xu hướng cải cách tư pháp hiện đại nhằm khắc phục những hạn chế của mô hình tư pháp hình sự truyền thống. Tuy cũng còn nhiều vấn đề về mặt lý luận và một số lo ngại trong thực tiễn xây dựng và thực hiện, nhưng nhìn chung, TPPH vẫn đem lại rất nhiều giá trị để nghiên cứu và tham khảo trong công cuộc cải cách tư pháp tại Việt Nam hiện nay. Thông qua việc phát triển, kế thừa những nghiên cứu đã có và quá trình nghiên cứu tổng hợp, toàn diện các vấn đề lý luận, thực tiễn xây dựng và thực hiện các chương trình TPPH tại một số quốc gia trên thế giới, Luận án đã đạt được những kết quả sau:

Thứ nhất, nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận về TPPH như khái niệm, lịch sử ra đời và phát triển, đặc điểm, mục đích, các điều chỉnh pháp luật và điều kiện đảm bảo thực thi và phân loại các chương trình TPPH, tạo cơ sở cho việc đánh giá, nhận định hoàn thiện cơ sở pháp lý cho vấn đề này tại Việt Nam

Thứ hai, nghiên cứu làm rõ thực tiễn xây dựng và thực hiện các chương trình TPPH tại 3 quốc gia điển hình là: Na Uy, Mỹ và Úc. Thực tiễn đó rất đa dạng và phong phú. Các chương trình tuy chia sẻ và duy trì những đặc trưng chung của TPPH, đồng thời có những đặc trưng riêng phụ thuộc vào điều kiện kinh tế - văn hóa - xã hội của mỗi quốc gia. Thông qua nghiên cứu thực tiễn xây dựng và thực hiện các chương trình này, có thể học hỏi được những kinh nghiệm cần thiết để lựa chọn chương trình phù hợp nhất với Việt Nam.

Thứ ba, thông qua nghiên cứu các chương trình TPPH tại 3 quốc gia Na Uy, Mỹ và Úc, có thể thấy các kết quả đạt được là tương đối tích cực, thể hiện ở tỷ lệ tái phạm giảm đáng kể và mức độ hài lòng cao của tất cả các bên tham gia.

Thứ tư, nghiên cứu, làm rõ về khả năng xây dựng và thực hiện TPPH tại Việt Nam, nơi đã và đang tồn tại nhiều biện pháp mang tính chất phục hồi, tuy

nhiên còn rời rạc và chưa được xây dựng cụ thể thành các biện pháp TPPH. Kết quả nghiên cứu cho phép tác giả luận án rút ra được kết luận về khả năng áp dụng TPPH ở Việt Nam là khả thi, nhưng cũng cần có nhiều thận trọng trong quá trình xây dựng và thực hiện trên thực tiễn.

Thứ năm, nghiên cứu làm rõ thực trạng xây dựng và thực hiện các biện pháp mang tính chất phục hồi ở Việt Nam. Các biện pháp như hòa giải, XLCH ở Việt Nam đã được xây dựng và thực hiện, đem lại những thành công nhất định; tuy nhiên cũng còn nhiều mặt hạn chế như: Đội ngũ cán bộ thực hiện công tác hòa giải chưa được đào tạo đầy đủ, các biện pháp hòa giải còn mang tính hình thức, thiếu hiệu quả; công tác XLCH cũng chưa được phát huy hiệu quả trên thực tế, còn nhiều hạn chế trong áp dụng XLCH.

Thứ sáu, trên cơ sở nghiên cứu những nội dung về lý luận và thực tiễn áp dụng TPPH, tác giả đã đưa ra những gợi mở cho việc xây dựng, thực hiện TPPH tại Việt Nam. Cụ thể: Xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ sở lý luận về TPPH; Xây dựng và thực hiện các chương trình TPPH thí điểm; Đào tạo nguồn nhân lực và bảo đảm hệ thống cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động TPPH; Thay đổi nhận thức, thái độ của cộng đồng về TPPH; Hợp tác và học hỏi kinh nghiệm quốc tế về TPPH.

Tựu trung lại, TPPH không chỉ là một giải pháp tình thế mà là một định hướng chiến lược có thể giúp hệ thống tư pháp hình sự giải quyết hiệu quả hơn các mục tiêu về phòng ngừa tội phạm, bảo vệ quyền con người và duy trì sự ổn định xã hội. Việc nghiên cứu, xây dựng và thực hiện các chương trình TPPH một cách cẩn trọng, có lộ trình và phù hợp với bối cảnh Việt Nam sẽ là một bước tiến quan trọng, góp phần xây dựng một nền tư pháp ngày càng tiến bộ, công bằng và nhân văn hơn.

**NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ LUẬN ÁN
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN ĐÃ CÔNG BỐ**

1. Cải tạo người phạm tội bị áp dụng hình phạt tù: Kinh nghiệm từ Na Uy và gợi mở cho Việt Nam, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 10/2022, tr. 42-52.
2. Tư pháp phục hồi và một số chương trình tư pháp phục hồi trên thế giới, Tạp chí Công thương, số 23 – tháng 10/2023, tr. 40 - 43.
3. Tư pháp phục hồi cho người chưa thành niên phạm tội: Kinh nghiệm ở Úc và gợi mở cho Việt Nam, Tạp chí Giáo dục và xã hội, tháng 9/2024, tr. 255- 260.
4. Tư pháp phục hồi: Một số chương trình tại Mỹ và gợi mở cho Việt Nam, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, tháng 6/2024, tr. 42-50.